

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2018

“V/v kiện xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Phương

2. Ông: Trương Quang Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

Trong ngày 19/11/2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/9/2018 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1980. ĐKNKTT: thôn 7, BT, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1979. ĐKNKTT: thôn Tân, xã Q, TP. ĐH, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/9/2018, được bổ sung tại bản tự khai, phiên hòa giải và các đơn trình bày, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Xuân L kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BTh, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30/01/2005. Quá trình chung sống thì tình cảm có nhiều mâu thuẫn, lời qua tiếng lại, không được hòa đồng; kinh tế gặp nhiều khó khăn, chị phải chịu nhiều khó khăn để nuôi con nhưng với anh L là một người chồng, người cha mà không có trách nhiệm với vợ con, gia đình, suốt ngày say sưa rượu trà, ăn chơi, đánh đập chị và con. Sau khi chị sinh đứa con thứ hai (năm 2008) thì vợ chồng sống ly thân đến nay, chị ở ngoài nhà mẹ đẻ còn anh sống tại Q, không ai quan tâm gì đến nhau,

nay chị xác định tình cảm không còn, nguyện vọng xin được ly hôn.

Tại bản tự khai, buổi hòa giải, anh Nguyễn Xuân L trình bày: Anh và chị Phan Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2005 tại UBND xã BT, huyện B, tỉnh Quảng Bình, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Hiện vợ chồng đã sống ly thân và anh đồng ý ly hôn. Tại phiên hòa giải và tiếp cận chứng cứ ngày 17.9.2018 Anh cùng chị T đã có ý kiến bằng văn bản đề nghị giải quyết một lần, không tiến hành hòa giải nữa vì lý do công việc. Tại đơn trình bày của anh L gửi cho Tòa án ngày 18.9.2018 lại có nội dung là anh vẫn còn thương yêu vợ con, không muốn bỏ vợ con.

- Về con chung: Chị T và anh L cùng khai có 02 con chung: Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày: 12/11/2005 và Nguyễn Xuân N, sinh ngày: 02/5/2008.

Chị T có nguyện vọng tại bản tự khai xin được nuôi cả hai cháu vì hiện đang sống chung cùng chị và chị đề nghị anh L đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi. Nhưng quá trình hòa giải chị lại không đề nghị anh cấp dưỡng nuôi con vì thu nhập của anh không ổn định.

Ý kiến của anh Nguyễn Xuân L cũng đã trình bày giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Bích Ng và cháu Nguyễn Xuân N gửi đến Tòa án qua đường bưu điện vào ngày 12/10/2018 có nội dung: hai cháu xin được ở với mẹ để sinh sống và học tập.

- Về tài sản chung: Chị T và anh L khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Anh chị đã thuận tình ly hôn nhưng sau đó anh L thay đổi ý kiến, do vẫn còn thương yêu vợ con, không muốn ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Nguyễn Xuân L có địa chỉ cư trú: thôn Tân , xã Q, thành phố Đ. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án để làm bản tự khai. Tòa án tiến hành thông báo về phiên hòa giải và tiếp cận chứng cứ theo quy định. Anh chị đã thỏa thuận được các mối quan hệ nhưng sau đó anh L thay đổi ý kiến. Tòa án tiến hành triệu tập anh L đến làm rõ nội dung ý kiến thay đổi nhưng anh không đến. Tòa án tiếp tục tiến hành phiên hòa giải tiếp theo nhưng anh L cũng không đến để được hòa giải. Do đó vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên ngày 08/11/2018 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhưng bị đơn – anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2018 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 19/11/2018 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Nhưng bị đơn – anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; đối với sự vắng mặt của chị T tại phiên tòa là hợp lệ vì đã có đơn xin xử vắng mặt đề ngày 10/10/2018. HĐXX căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Xuân L đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Đáng lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về tính cách, thiếu thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, dẫn đến bất đồng trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung sau đó để mặc cuộc sống gia đình, sống ly thân, ai lo việc nấy không quan tâm gì đến nhau. Anh L thường xuyên uống rượu trà say xỉn về đánh đập vợ con, không có trách nhiệm về kinh tế cho gia đình, đã được xác nhận bằng ý kiến của ông Nguyễn Xuân H (là bố đẻ của anh L) trong đơn trình bày mâu thuẫn do chị T viết có xác nhận của chính quyền địa phương. Anh L cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm nên đồng ý ly hôn. Sau đó anh L có ý kiến vẫn còn thương yêu vợ, con và không muốn bỏ vợ, con. Tuy nhiên khi được Tòa án triệu tập đến để làm rõ nội dung ý kiến cũng như thông báo đến phiên hòa giải tiếp theo nhưng anh L đều không có mặt, bỏ mặc không mong muốn được Tòa án hòa giải mâu thuẫn, anh cũng không có biện pháp gì để khắc phục hay níu kéo hôn nhân mà thờ ơ, không quan tâm. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng là có, không có biện pháp khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không thể níu kéo, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị T được ly hôn anh L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh L đều thừa nhận quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày: 12/11/2005 và Nguyễn Xuân N, sinh ngày: 02/5/2008.

Hiện hai cháu đang ở với chị T và đều có nguyện vọng xin ở với mẹ nếu anh chị ly hôn, nguyện vọng của chị T cũng muốn trực tiếp nuôi con, anh L có ý kiến không có khả năng nuôi con. Xét thấy con chung ở với chị T từ lúc nhỏ đến nay nên việc giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp về điều kiện và nguyện vọng của các bên. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con vì anh không có thu nhập ổn định. Khi nào chị T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị khai không có và không yêu cầu phân chia tài sản nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS: Xử vắng mặt nguyên đơn chị Phan Thị T và bị đơn anh Nguyễn Xuân L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình tuyên xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân L.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày: 12/11/2005 và Nguyễn Xuân N, sinh ngày: 02/5/2008 cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, xử: Buộc chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Số tiền chị phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Biên lai số AA/2017/0000669 ngày 11 tháng 9 năm 2018, chị đã nộp đủ.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS Đồng Hới;
- UBND xã Bắc Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- lưu án;

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

